

**TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ
MINH VỀ QUÂN SỰ**

I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ QUÂN SỰ

. Định nghĩa: Tư tưởng Hồ Chí Minh là quan điểm và lý thuyết của Hồ Chí Minh về việc xây dựng nền quốc phòng, lực lượng vũ trang, về những vấn đề có tính quy luật của khởi nghĩa vũ trang và chiến tranh cách mạng, về chính trị và quân sự. Đó là sự áp dụng lý thuyết quân sự của chủ nghĩa Marx-Lê nin vào thực tiễn Việt Nam, kết hợp truyền thống quân sự, nghệ thuật binh pháp cổ truyền của dân tộc Việt Nam, tiếp thu khoa học quân sự cổ kim của nhân loại, tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh là một bộ phận hữu cơ cực kì quan trọng của tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng Việt Nam. Đó không phải là tư tưởng thuần túy quân sự, mà luôn là tư tưởng quân sự chính trị.

Bối cảnh lịch sử:

Trải qua mấy nghìn năm dựng nước và giữ nước, dân tộc ta đã đánh thắng nhiều đạo quân xâm lược lớn mạnh hơn ta gấp nhiều lần. Lịch sử đã ghi lại biết bao nhiêu chiến công hiển hách. Lòng yêu nước nồng nàn, tinh thần bất khuất chống ngoại xâm đã trở thành truyền thống vô cùng quý báu của dân tộc ta.

Dưới các triều đại phong kiến, kẻ thù bên ngoài đến xâm lược nước ta đều xuất phát từ một quốc gia phong kiến, cùng một phương thức sản xuất phong kiến, một nền nông nghiệp lạc hậu. với đường lối toàn dân đánh giặc, trên dưới một lòng, lấy chí nhân thay cường bạo, lấy đại nghĩa thắng hung tàn..., các vương triều Việt Nam đã huy động được đông đảo các tầng lớp nhân dân phát huy truyền thống đánh giặc giữ nước, đập tan mọi âm mưu và hành động xâm lược của kẻ thù. Nhưng đến thế kỉ XIX, tình hình đã thay đổi. Nước Việt Nam nông nghiệp lạc hậu với chế độ phong kiến lỗi thời lại phải đương đầu với những kẻ thù ngoại xâm hoàn toàn khác trước. Chúng là bọn đế quốc thực dân, xuất phát từ một quốc gia tư bản, có nền công nghiệp phát triển, có đội quân nhà nghề được trang bị vũ khí hiện đại. Dưới sự lãnh đạo của các sĩ phu yêu nước, nhân dân ta đã liên tiếp đứng lên chống giặc, nhưng đều bị thất bại. Lịch sử đòi hỏi phải có đường lối chính trị và quân sự đúng đắn, phù hợp với những biến đổi của tình hình, mới có thể giành được thắng lợi. Bế tắc về đường lối, dân tộc vẫn không có đường ra, đất nước vẫn không thoát được thân phận của một nước thuộc địa dưới sự thống trị của thực dân đế quốc.

Chính trong bối cảnh lịch sử ấy, Hồ Chí Minh đã không theo lối mòn của những người đi trước, quyết ra đi tìm cho được con đường cứu nước. từ chủ nghĩa yêu nước, Người đã đến với chủ nghĩa Mac-Lê nin, tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn, con đường đánh bại thực dân đế quốc. đó là con đường cách mạng vô sản, con đường gắn độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội, gắn cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại- bằng việc tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc, xây dựng chế độ dân chủ nhân dân, tiến lên chủ nghĩa xã hội, sau này được gọi là hai giai đoạn cách mạng: cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa. Bằng đường lối này, Hồ Chí Minh đã mở ra một thời đại mới cho cách mạng Việt Nam.

Vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin trong những điều kiện lịch sử của Việt Nam, trước hết Hồ Chí Minh đã xác định được những đường lối chính trị đúng đắn cho cách mạng Việt Nam. Những tư tưởng chính trị mới này đã qui định sự hình thành và phát triển tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh, làm cốt lõi cho đường lối quân sự của Đảng trong toàn bộ tiến trình của cách mạng Việt Nam.

Cơ sở hình thành tư tưởng quân sự HCM

Phong trào đấu tranh trong nước, tiêu biểu như các cuộc đấu tranh của Phan Bội Châu, PCT,...

Chủ nghĩa Mac-Lênin đây là nền móng cho việc xây dựng tư tưởng quân sự, định hướng cho đường lối, tư tưởng của HCM

Tinh hoa văn hóa thế giới, cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, và các cuộc cách mạng vô sản trên thế giới

Kế thừa truyền thống tốt đẹp của dân tộc VN

Từ những phẩm chất cá nhân của HCM



1. Các phong trào đấu tranh của dân tộc:

Xã hội VN vào cuối thế kỷ XIX là một xã hội nông nghiệp lạc hậu. Phong trào yêu nước phát triển mạnh mẽ với những xu hướng khác nhau nhưng đều thể hiện sự bế tắc trong đường lối cách mạng

Phong trào của các sĩ phu yêu nước theo ý thức hệ phong kiến với tư tưởng tôn quân, chưa tin tưởng vào nhân dân. Mục tiêu để đánh Pháp là để phục hồi lại chế độ

phong kiến như: Trương Định, Nguyễn Trung Trực ở miền nam, Phan Đình Phùng ở miền trung, Nguyễn Thiện Thuật, Nguyễn Quang Bích ở miền Bắc. Sự thất bại của các cuộc đấu tranh này thể hiện sự bất lực, lỗi thời của hệ tư tưởng phong kiến trước nhiệm vụ lịch sử

Sang đầu thế kỉ XX, các phong trào yêu nước chuyển sang xu hướng dân chủ tư sản với các phong trào Đông Du, Duy Tân, Đông Kinh Nghĩa Thục... nổi lên mạnh mẽ và rộng khắp nhưng nhanh chóng bị thất bại vì đường lối không rõ ràng, không huy động được mọi tầng lớp nhân dân tham gia, tư tưởng cầu viện nước ngoài, không độc lập tự chủ

Các cuộc đấu tranh của dân tộc trong thời kì này là để giải quyết các mâu thuẫn cơ bản: mâu thuẫn giữa nhân dân thuộc địa với thực dân Pháp và mâu thuẫn giữa giai cấp nông dân với phong kiến địa chủ. Các phong trào đều thất bại thể hiện sự bế tắc trong tư tưởng quân sự lúc bấy giờ, đòi hỏi khách quan lúc này là đi tìm một đường lối, tư tưởng để giải phóng dân tộc. Tóm lại, các phong trào yêu nước của dân tộc lúc này và sự thất bại lúc này đã tạo ra yêu cầu cấp thiết trong việc tìm kiếm một con đường mới trong tư tưởng thúc đẩy HCM ra đi tìm đường cứu nước.

2. Chủ nghĩa Mac-Lenin:

Chủ nghĩa Mac Lenin là nguồn gốc lí luận trực tiếp, quyết định bản chất tư tưởng Hồ Chí Minh. Hồ Chí Minh khẳng định:

“Chủ nghĩa Mac- Lenin đối với chúng ta, những người cách mạng và nhân dân Việt Nam, không những là cái “cẩm nang” thần kì, không những là cái kim chỉ nam, mà còn là mặt trời soi sáng con đường chúng ta đi tới thắng lợi cuối cùng, đi tới chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản”.

Đối với chủ nghĩa Mac Lenin, Hồ Chí Minh đã nắm vững cái cốt lõi, linh hồn sống của nó, là phương pháp biện chứng duy vật; học tập lập trường, quan điểm, phương pháp biện chứng của chủ nghĩa Mác Lenin để giải quyết các vấn đề thực tiễn của Việt Nam.

Các tác phẩm, bài viết của Hồ Chí Minh đã phản ánh bản chất cách mạng tư tưởng của Người theo thế giới quan, phương pháp luận của chủ nghĩa Mác Lenin

3. Phẩm chất của HCM:

Ngoài nguồn gốc tư tưởng, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng của Hồ Chí Minh còn chịu sự tác động sâu sắc của lịch sử dân tộc và thời đại mà Người sống và hoạt động. Chính quá trình hoạt động thực tiễn của Hồ Chí Minh ở trong nước và khi còn bôn ba khắp thế giới để học tập, nghiên cứu và hoạt động đã làm cho Người có một hiểu biết sâu sắc về dân tộc và thời đại, nhất là thực tiễn phương Đông cho học thuyết Mác Lenin.

Từ hoạt động thực tiễn, Hồ Chí Minh đã khám phá ra qui luật vận động xã hội, đời sống văn hóa và cuộc đấu tranh của các dân tộc trong các hoàn cảnh cụ thể của các quốc gia và thời đại mới để khái quát thành lí luận, đem lí luận chỉ đạo cho hoạt động thực tiễn, qua kiểm nghiệm của thực tiễn để hoàn thiện, làm cho lí luận có giá trị khách quan, tính cách mạng và khoa học.

Tư tưởng Hồ Chí Minh là sản phẩm hoạt động tinh thần của cá nhân, do Người sáng tạo dựa trên những cơ sở nhân tố khách quan. Do đó, tư tưởng Hồ Chí Minh phụ thuộc rất nhiều vào nhân cách, phẩm chất, và năng lực tư duy của chính người sáng tạo ra nó.

Không chỉ ở nước ta mà có nhiều nhà chính khách, nhà hoạt động văn hóa xã hội ở nước ngoài đã nêu nhiều ý kiến sâu sắc về nhân cách, phẩm chất và tài năng trí tuệ của Hồ Chí Minh. Ngay từ năm 1923, lúc Hồ Chí Minh trạc tuổi 33, nhà báo Liên Xô, Ô Manddemxtam, khi tiếp xúc với Hồ Chí Minh đã sớm nhận biết : “Từ Nguyễn Ái Quốc đã tỏa ra một thứ văn hóa, không phải văn hóa châu Âu , mà có lẽ là văn hóa tương lai”. Văn hóa Nguyễn Ái Quốc ngày càng tỏa sáng theo dòng thời gian của dân tộc và thời đại.

Nhân cách, phẩm chất, tài năng của Hồ Chí Minh đã tác động rất lớn đến sự hình thành và phát triển tư tưởng của Người. Đó là một con người sống có hoài bão, có lí tưởng, yêu nước thương dân, có bản lĩnh kiên định, có lòng tin vào nhân dân, khiêm tốn, bình dị , ham học hỏi, nhạy bén với cái mới, thông minh, có hiểu biết sâu rộng , có phương pháp biện chứng, có đầu óc thực tiễn,..v...v.Chính nhờ vậy, Người đã khám phá sáng tạo về lí luận cách mạng thuộc địa trong thời đại mới, xây dựng một hệ thống quan điểm toàn diện sâu sắc và sáng tạo về cách mạng Việt Nam, đã vượt qua mọi thử thách, sóng gió trong hoạt động thực tiễn, kiên trì chân lí, định ra các quyết sách đúng đắn, sáng tạo biến tư tưởng thành hiện thực cách mạng.

4.Tinh hoa văn hóa nhân loại, thế giới

Hồ Chí Minh đã biết làm giàu vốn văn hóa của mình bằng cách học hỏi, tiếp thu tư tưởng văn hóa phương Đông và phương Tây.

Về tư tưởng và văn hóa phương Đông, Hồ Chí Minh đã tiếp thu những mặt tích cực của Nho giáo về triết lí hành động, nhân nghĩa, ước vọng về một xã hội bình trị, hòa mục, thế giới đại đồng: về một triết lí nhân sinh, tu thân, tề gia: đề cao văn hóa trung hiếu “dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh”.

Người nói:”tuy Khổng Tử là phong kiến và trong học thuyết của Khổng Tử còn nhiều điều không đúng song những điều hay trong đó thì chúng ta nên học”.Người dẫn lời của V.I.Lênin:” Chỉ có những người cách mạng chân chính mới thu hái được những điều hiểu biết quý báu của các đời trước để lại”.

VỀ Phật giáo, HỒ Chí Minh đã tiếp thu tư tưởng vị tha, từ bi, bác ái, cứu khổ, cứu nạn; coi trọng tinh thần bình đẳng, chống phân biệt đẳng cấp, chăm lo điều thiện...

VỀ Chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn, HỒ Chí Minh đã tìm thấy những điều thích hợp với điều kiện nước ta, đó là dân tộc độc lập, dân quyền tự do và dân sinh hạnh phúc.

VỀ tư tưởng và văn hóa phương Tây, HỒ Chí Minh đã nghiên cứu và tiếp thu tư tưởng văn hóa dân chủ và cách mạng của cách mạng Pháp, cách mạng Mĩ.

VỀ tư tưởng dân chủ của cách mạng Pháp, HỒ Chí Minh đã tiếp thu tư tưởng của các nhà khai sáng: Vôn-te(Voltaire), Rút-xô (Roussou), Mông-texki-ơ (Mountesquieu). Đặc biệt Người chịu ảnh hưởng sâu sắc về tư tưởng tự do, bình đẳng của Tuyên Ngôn nhân quyền và dân quyền năm 1771 của đại tư sản Pháp. Về tư tưởng dân chủ của cách mạng Mĩ, Người đã tiếp thu giá trị về quyền sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc của Tuyên ngôn độc lập năm 1776, quyền nhân dân kiểm soát chính phủ..

5. Truyền thống tốt đẹp của dân tộc VN

Lịch sử hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước đã hình thành cho Việt Nam những giá trị truyền thống dân tộc phong phú, vững bền. Đó là ý thức chủ quyền quốc gia dân tộc, ý chí tự lập, tự cường, yêu nước, kiên cường, bất khuất...tạo thành động lực mạnh mẽ cho đất nước; là tinh thần tương thân , tương ái, nhân nghĩa, cố kết cộng đồng dân tộc; thủy chung, khoan dung, độ lượng; là thông minh, sáng tạo, quý trọng hiền tài, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại để làm phong phú văn hóa dân tộc...Trong nguồn giá trị tinh thần truyền thống đó, chủ nghĩa yêu nước là cốt lõi, là dòng chảy chính của tư tưởng văn hóa truyền thống Việt Nam, xuyên suốt trường kỳ lịch sử, là động lực mạnh mẽ cho sự trường tồn và phát triển của dân tộc. Chính sức mạnh truyền thống tư tưởng và văn hóa đó của dân tộc đã thúc giục HỒ Chí Minh ra đi tìm tòi, học hỏi, tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại để làm giàu cho tư tưởng cách mạng và văn hóa của Người.

II. DỪNG BẠO LỰC CM ĐỂ CHỐNG LẠI BẠO LỰC PHẢN CM VÀ TƯ TƯỞNG BẠO LỰC CM THỐNG NHẤT VỚI TƯ TƯỞNG NHÂN ĐẠO VÀ HÒA BÌNH

1 Dừng bạo lực cách mạng để chống lại bạo lực phản cách mạng:

Đường lối quân sự của Đảng là kết quả của quá trình tìm tòi và vận dụng sáng tạo học thuyết quân sự của chủ nghĩa Mác-Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam,

là sự kế thừa một cách sáng tạo truyền thống dựng nước và giữ nước của ông cha ta trong lịch sử.

a) Đặc biệt từ sau yêu sách 8 điểm: gửi đến hội nghị Vecxay bị bác bỏ đã cho thấy được bản chất thật sự của chế độ thực dân và hoạt động chủ yếu của nó là hoạt động bạo lực nhân dân ta muốn giải phóng dân tộc chỉ có thể dựa vào chính mình “ Cần dùng bạo lực cách mạng để chống lại bạo lực phản cách mạng”

Chính vì thế trong **Tuyên ngôn Đảng Cộng sản về vấn đề bạo lực cách mạng** có nói: Cách mạng xã hội có thể diễn ra dưới nhiều hình thức khác nhau, nhưng dù dưới hình thức nào, cách mạng cũng không thể đạt tới thành công nếu không sử dụng bạo lực cách mạng. Bạo lực cách mạng là hành động cách mạng của quần chúng dưới sự lãnh đạo của giai cấp cách mạng vượt qua khỏi giới hạn pháp luật của giai cấp thống trị đương thời nhằm lật đổ nhà nước lỗi thời, xác lập nhà nước của giai cấp cách mạng. Đó là sức mạnh có tổ chức gắn liền với quần chúng, được một đường lối chính trị tiên tiến hướng dẫn, lãnh đạo để cưỡng chế giai cấp phản động buộc chúng phải phục tùng ý chí của giai cấp cách mạng. C.Mác và Ph. Ăngghen đã khẳng định bạo lực là một quy luật đấu tranh cách mạng, là "bà đỡ cho mọi xã hội cũ đang thai nghén một xã hội mới, bạo lực là công cụ mà vận động của xã hội dùng để tự nó mở đường cho mình và đập tan những hình thức cứng đờ và chết". Trong Tuyên ngôn Đảng Cộng sản cũng đã khẳng định: "Giai cấp vô sản thiết lập sự thống trị của mình bằng cách dùng bạo lực lật đổ giai cấp tư sản". Bạo lực của giai cấp vô sản trong cuộc đấu tranh chống giai cấp tư sản để giành chính quyền là bạo lực mang yếu tố cách mạng: "Quyền lực chính trị, theo đúng nghĩa của nó, là bạo lực có tổ chức của một giai cấp để trấn lột một giai cấp khác. Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng: bạo lực cách mạng ở Việt Nam là bạo lực của quần chúng dưới sự lãnh đạo của Đảng, bao gồm hai lực lượng cơ bản: lực lượng chính trị quần chúng và lực lượng vũ trang nhân dân; với hai hình thức đấu tranh cơ bản: đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang.

b) Tư tưởng dùng bạo lực cách mạng là kim chỉ nam cho hoạt động cách mạng của chúng ta nhưng qua các giai đoạn, thời kỳ mang một mức độ và kế hoạch quân sự khác nhau phù hợp với tình hình đó. Lí luận chiến lược quân sự là lĩnh vực hoạt động thực tiễn, CLQS xác định đối tượng tác chiến, mục tiêu và nhiệm vụ chiến lược cho các lực lượng vũ trang và lực lượng khác, đề xuất và tổ chức thực hiện những biện pháp chuẩn bị đất nước và lực lượng vũ trang trong những điều kiện cụ thể của chiến tranh, lập kế hoạch tác chiến chiến lược, tổ chức và triển khai lực lượng vũ trang trên các chiến trường tác chiến, chỉ đạo tiến hành các hoạt động tác chiến chiến lược, các chiến cục và chiến dịch chiến lược, vv. Trong số đó ta ưu tiên tập trung phát triển lực lượng vũ trang

Bước đầu xây dựng đường lối đúng đắn cho cách mạng:

Xây dựng lực lượng cách mạng: đi từ xây dựng lực lượng chính trị đến ll vũ trang:

- Từ ngày 6/1 đến 8/2/1930, Nguyễn Ái Quốc đã chủ trì Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam tại Cửu Long – Hương Cảng – Trung Quốc:

Chủ trương tập hợp lực lượng:

+ Lực lượng chủ yếu để đánh đổ đế quốc và phong kiến là công nhân và nông dân, trí thức tiểu tư sản.

+ Đối với phú nông, trung tiểu địa chủ và tư bản chưa rõ mặt phản cách mạng cần lợi dụng hoặc trung lập.

+ Đồng thời phải liên lạc với các dân tộc bị áp bức và vô sản thế giới.

+ Cương lĩnh khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp vô sản, lấy chủ nghĩa Mác Lênin làm nền tảng tư tưởng, là nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng. Đảng là hạt nhân, là trung tâm đoàn kết, quy tụ mọi lực lượng yêu nước để chống đế quốc và chống phong kiến, giành độc lập tự do cho đất nước, hạnh phúc cho nhân dân ta.

- Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương lâm thời Đảng Cộng sản Việt Nam tháng 10-1930

Giữa lúc phong trào cách mạng Việt Nam 1930 – 1931 đang diễn ra quyết liệt, Ban Chấp hành Trung ương lâm thời Đảng Cộng sản Việt Nam đã họp Hội nghị lần thứ nhất tại Hương Cảng - Trung Quốc. Hội nghị đã thông qua Luận cương Chính trị do Trần Phú khởi thảo.

Chủ trương tập hợp lực lượng:

+ Lực lượng cách mạng là giai cấp công nhân và giai cấp nông dân. Đó là hai động lực chính của cách mạng, là gốc của cách mạng.

+ Phải thực hiện liên minh công - nông.

- Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương tháng 5-1941. Bối cảnh: Trước tình hình thế giới và trong nước ngày càng khẩn trương, Nguyễn Ái Quốc về nước và triệu tập Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (10 – 19-5-1941) tại Pắc Bó, Cao Bằng.

Chủ trương tập hợp lực lượng:

+ Chủ trương thành lập Việt Nam độc lập đồng minh (gọi tắt là Việt Minh) bao gồm các tổ chức quần chúng lấy tên là Hội Cứu quốc nhằm "Liên hiệp hết thảy các giới đồng bào yêu nước, không phân biệt..., đặng cùng nhau mưu cuộc dân tộc giải phóng và sinh tồn"

Tùy theo bối cảnh từng giai đoạn và thời cơ mà cách huy động lực lượng, hình thức tổ chức quân sự cũng khác, đảm bảo tuyệt đối sự thành công cho các cuộc bạo động cách mạng. Đó là cái hay trong tư tưởng dùng bạo lực cách mạng chống lại bạo lực phản cách mạng.

Thực hiện công tác chuẩn bị cho tất yếu cho cách mạng như vũ khí, lương thực, hậu phương, căn cứ, kêu gọi sự hỗ trợ của các nước anh em, tiếp tục hoạt động trong và ngoài nước, xem xét và xây dựng căn cứ địa quan trọng, lập những mưu lược quân sự,... Sẵn sàng chiến đấu và giành thắng lợi. Được tổ chức và xây dựng trên cơ sở phong trào cách mạng của quần chúng dưới sự lãnh đạo của Đảng, Quân đội ta lúc mới hình thành tuy còn non trẻ, biên chế tổ chức còn nhỏ bé, trang bị, vũ khí còn thô sơ, huấn luyện quân sự còn đơn giản, nhưng do bám chắc vào cơ sở lực lượng chính trị quần chúng rộng khắp, được các tổ chức, đoàn thể cách mạng đùm bọc, nuôi dưỡng nên đã trưởng thành nhanh chóng, trở thành lực lượng xung kích đi đầu trong đấu tranh vũ trang và tổng khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân. Quân đội nhân dân là lực lượng nòng cốt cho toàn dân đánh giặc, giành thắng lợi trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa

Giai đoạn tiến hành kháng chiến:

Dựa vào tính chất của các trận đánh và thế chủ động của các phe đối lập, ta chia làm hai thể loại kháng chiến. Nhưng người khẳng định: "Kiên quyết không ngừng thế tiến công".

+ Quân ta ở thế chủ động: trong tư tưởng quân sự của Bác, các trận đánh thường được tổ chức sao cho ít bị thiệt hại nhất, nên hầu hết là các cuộc tấn công du kích, chuẩn bị thế trận, xây dựng tường hào, khai thác điểm mạnh của ta tìm cách đánh vào điểm yếu của địch. Theo Hồ Chí Minh, phải biết tận dụng thời gian, vì thời gian là lực lượng, thời gian là sức mạnh, Hồ Chí Minh dùng kế "*Trường kỳ kháng chiến*", "*Vừa kháng chiến vừa kiến quốc*" để có thời gian chuẩn bị mọi mặt và chuyển dần từ thế yếu lên thế mạnh. Người nói: giặc Pháp có "*võ quýt dày*", ta phải có thời gian để mài "*móng tay nhọn*".

Trong thời kỳ 1954 – 1975, phong trào "Đồng khởi" (1959 – 1960) đánh dấu bước phát triển của cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công. Các cuộc đấu tranh chống Mỹ – Diệm đã diễn ra sôi nổi nhưng vẫn đòi hỏi thực hiện những biện pháp quyết liệt hơn để đưa cách mạng miền Nam vượt qua khó khăn, thử thách. Chính vì thế Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 15 (đầu 1959) xác định con đường phát triển cơ bản của cách mạng miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền bằng lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang nhân dân.

Đồng chí Lê Duẩn cũng có nhận định: "*Cách mạng tháng Tám Việt Nam thành công căn bản là do lực lượng chính trị của nhân dân đã kịp thời nắm lấy cơ hội thuận lợi nhất khởi nghĩa giành chính quyền. Nhưng nếu trước đó không xây dựng lực lượng vũ trang và thành lập những khu căn cứ rộng lớn làm chỗ dựa cho lực lượng chính trị và phong trào đấu tranh, và khi điều kiện đã chín muồi, không mau lẹ phát động khởi nghĩa vũ trang thì cách mạng cũng không thể mau chóng giành được thắng lợi*". Trong công cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, trước sức mạnh quân sự của Mỹ, đã xuất hiện tâm lý sợ Mỹ và xu hướng Tam Hòa - nghĩa là chỉ nên duy trì đấu tranh chính trị, hòa bình và tránh bạo lực. Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng (khóa II) năm 1959 đã chỉ ra câu trả lời đúng về đường lối cách mạng miền Nam: Con đường cơ bản của cách mạng Việt Nam ở miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân và để đi đến thắng lợi thì con đường cơ bản là khởi nghĩa giành chính quyền bằng bạo lực cách mạng của quần chúng.

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng ta lần thứ IV (1976) cũng đã chỉ rõ phương pháp cách mạng ở miền Nam là: "... sử dụng bạo lực với hai lực lượng, lực lượng chính trị quần chúng và lực lượng vũ trang nhân dân; tiến hành khởi nghĩa từng phần ở nông thôn và từ khởi nghĩa phát triển thành chiến tranh cách mạng; kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị và ngoại giao; kết hợp khởi nghĩa của quần chúng với chiến tranh cách mạng; nổi dậy và tiến công, tiến công và nổi dậy; đấu tranh cả trên ba vùng chiến lược: rừng núi, nông thôn đồng bằng và đô thị; đánh địch bằng ba mũi giáp công: quân sự, chính trị, binh vận; kết hợp ba thứ quân; kết hợp chiến tranh du kích với chiến tranh chính quy; kết hợp đánh lớn, đánh vừa và đánh nhỏ...; nắm vững phương châm chiến lược lâu dài, đồng thời biết tạo thời cơ mở những đợt tiến công chiến lược làm thay đổi cục diện chiến tranh, tiến lên tổng tiến công và nổi dậy đê bẹp quân địch để giành thắng lợi cuối cùng"

+ Quân ta ở thế bị động: bị địch tấn công bất ngờ, thế chủ động thuộc về phần địch. Lúc đó bác ra lời kêu gọi nhân dân đứng lên kháng, dùng hết sức mình để chống giặc ngoại xâm, tìm cách nâng cao tinh thần yêu nước đến mức cực độ. Điều binh khiến tướng ra mặt trận kháng chiến với mục tiêu bảo vệ lực lượng và đánh đuổi quân giặc.

Hài hòa và phối hợp với nhau trong suốt quá trình diễn ra cách mạng, nó được Đảng và nhà nước ta áp dụng triệt để và thực hiện một cách linh động trong từng giai đoạn và bối cảnh lịch sử Việt Nam và Thế giới.

Trong binh phải lấy Phương thức tiến hành: Đi từ đấu tranh chính trị sang đấu tranh quân sự, kết hợp dân làm gốc do đó cách vận binh của người còn mang lại hiệu quả ở những lời kêu gọi

Trong lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp, Người nói: "Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc.

Hễ là người **Việt Nam** thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc”. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, Người lại khẳng định: “Cuộc kháng chiến của ta là toàn dân, thực sự là một cuộc chiến tranh nhân dân. 31 triệu đồng bào ở cả hai miền **Nam Bắc**, bất kỳ già trẻ gái trai phải là 31 triệu chiến sĩ anh dũng diệt Mỹ cứu nước

2) Tư tưởng bạo lực c/m thống nhất với tư tưởng nhân đạo và hòa bình:

Với lòng yêu thương con người HỒ chủ tịch luôn luôn dùng cách đánh ít đổ máu nhất: Từ Hịch tướng sĩ và Di chúc **Canh Tý** đến **Bình Ngô** đại cáo, một học thuyết quân sự **Việt Nam** đã hình thành và phát triển: “lấy đại nghĩa thắng hung tàn, lấy chí nhân thay cường bạo” Tư tưởng HỒ Chí Minh về bạo lực cách mạng luôn luôn thống nhất với tư tưởng nhân đạo và hòa bình. Người từng nói "Nghĩ cho cùng, mọi vấn đề... là vấn đề ở đời và làm người. Ở đời và làm người phải là thương nước, thương dân, thương nhân loại đau khổ bị áp bức". Chính xuất phát từ lòng yêu nước, thương dân, quý trọng sinh mệnh con người, Người tranh thủ dùng cách đấu tranh ít đổ máu nhất để giành và giữ chính quyền.

Khi kẻ thù ngoan cố gây chiến tranh xâm lược, không còn cách nào khác để tránh khỏi chiến tranh, Người kêu gọi toàn quân, toàn dân nhất tề đứng dậy, quyết chiến đấu cho đến thắng lợi cuối cùng, dùng chiến tranh chính nghĩa đánh bại chiến tranh phi nghĩa. Tuy nhiên, trong khi tiến hành chiến tranh, Người không bỏ lỡ cơ hội đàm phán hòa bình với địch để kết thúc sớm chiến tranh trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ nước ta.

Sau thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945, bọn thực dân đế quốc không cam chịu thất bại mà tìm mọi cách lật đổ chính quyền còn rất non trẻ. Thực dân Pháp theo gót chân Anh nổ súng đánh ta ở Nam bộ vào ngày 23-9-1945. Trước tình hình đó, chủ tịch HỒ Chí Minh một mặt kêu gọi đồng bào miền Nam và Nam trung bộ kiên quyết đứng lên cầm vũ khí chống giặc, mặt khác chủ trương đàm phán với đại diện chính phủ Pháp để cứu vãn binh. Thực hiện chủ trương của Đảng về việc tạm thời hòa hoãn với thực dân Pháp để đuổi quân Tưởng ra khỏi miền Bắc Việt Nam, Chủ tịch HỒ Chí Minh thay mặt Chính phủ ta đã ký với Xanhtony, đại diện Chính phủ Pháp, bản Hiệp định sơ bộ vào ngày 6-3-1946 tại Hà Nội. Trong bối cảnh lịch sử năm 1946, việc ký Hiệp định sơ bộ là một quyết định sáng suốt, một mẫu mực tuyệt vời về sách lược, về việc tận dụng thời cơ, về sự nhân nhượng có nguyên tắc. Trong bối cảnh lịch sử năm 1946, việc ký Hiệp định sơ bộ là một quyết định sáng suốt, một mẫu mực tuyệt vời về sách lược, về việc tận dụng thời cơ, về sự nhân nhượng có nguyên tắc. Mặc dù đã có hiệp định nhưng chính phủ Pháp vẫn không chịu từ bỏ chính sách xâm lược đất nước ta. Người cố tìm mọi cách để cuộc đàm phán giữa Việt Nam và Pháp tiếp tục ở Hội nghị Phôngtennôblô (ở ngoại ô Pari). Ngày 31 tháng 5 năm 1946, Chủ tịch HỒ Chí Minh sang thăm Cộng hòa Pháp với tư cách là thượng khách của Chính phủ Pháp, nhưng thực chất là để chỉ đạo phái đoàn của ta tham dự cuộc hội nghị này. Trong những ngày ở thăm nước Pháp, Chủ tịch HỒ Chí Minh đã có nhiều hoạt động đối ngoại nhằm tăng cường tình hữu nghị và đoàn kết quốc tế, sự hiểu biết

giữa nhân dân Việt Nam với bạn bè và nhân dân các nước trên thế giới. Tại Pari, Người đã phát biểu :” tinh thần thiện chí của Việt Nam khi ký các hiệp ước còn giá trị hơn mọi văn bản và lời nói, vì chúng tôi kiên quyết bảo đảm những lợi ích tinh thần, văn hóa và vật chất của Pháp và ngược lại, Pháp phải đảm bảo nền độc lập của chúng tôi. Tôi xin nhắc lại... một chữ “Độc lập” là đủ để đưa lại một sự tín nhiệm đang cần được khẳng định... Tôi đến đây để hòa giải. Tôi không muốn về Hà Nội với hai tay trắng. Tôi mong muốn trở về với những kết quả cụ thể, một sự khẳng định tương lai hợp tác mà chúng tôi mong đợi”

Hội nghị này nhằm giải quyết mối quan hệ giữa Việt Nam và Pháp. Song, do thái độ ngoan cố của phía Pháp muốn duy trì chế độ thực dân ở Đông Dương, nên các vấn đề đưa ra Hội nghị để thảo luận đều bị bế tắc. Để cứu vãn tình hình, ngày 14-9-1946 chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký bản tạm ước với thủ tướng Pháp Gioacgiơ Bidôn, ghi nhận những điều khoản chung tạm thời có lợi cho cả hai bên, để hai bên sẽ tiếp tục đàm phán trở lại chậm nhất là tháng 1-1947.

Bọn thực dân Pháp đã dấn đạp lên những văn bản chúng đã ký với Việt Nam, những hành động khiêu khích của chúng diễn ra ngày càng trắng trợn – đây là điều mà chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã dự đoán để lãnh đạo toàn dân tranh thủ thời gian chuẩn bị mọi mặt, sẵn sàng đối phó với chiến tranh. Nhưng người vẫn tuyên bố :”Đồng bào tôi và tôi thành thực muốn hòa bình. Chúng tôi không muốn chiến tranh. Cuộc chiến tranh này chúng tôi muốn tránh bằng đủ mọi cách.. Nước Việt Nam cần kiến thiết, nước Việt Nam không muốn là nơi chôn vùi hàng bao nhiêu sinh mạng. Nhưng cuộc chiến tranh ấy, nếu người ta buộc chúng tôi phải làm thì chúng tôi sẽ làm”.

Khi thực dân Pháp gửi tối hậu thư buộc ta phải hạ vũ khí, lòng căm phẫn của nhân dân ta đã lên tới tột độ. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kêu gọi :

“ Hỡi đồng bào toàn quốc! Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng ,thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa...! Không ! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ .Hỡi đồng bào! Chúng ta phải đứng lên”

Mặc dù chiến tranh đã xảy ra, Người vẫn tìm mọi cách cứu vãn hòa bình. Nhiều lần Người đã gửi thư, gửi điện cho chính phủ Pháp, tướng lĩnh, binh sĩ trong quân đội Pháp, các nhà hoạt động chính trị, văn hóa và nhân dân các nước khác.. một mặt tố cáo tội ác do bọn thực dân phản động, hiếu chiến gây ra, mặt khác kêu gọi trở lại đàm phán hòa bình giữa hai bên Pháp- Việt. Người nêu rõ lập trường của chính phủ và nhân dân Việt Nam :”Chúng tôi mong đợi ở chính phủ và nhân dân Pháp”

Một cử chỉ mang lại hòa bình. Nếu không chúng tôi bắt buộc phải chiến đấu đến cùng để giải phóng hoàn toàn đất nước. Nước Việt Nam có thể bị tàn phá, nhưng nước Việt Nam sẽ hùng mạnh hơn sau cuộc tàn phá đó. Còn nước Pháp chắc chắn sẽ mất hết và sẽ biến khỏi cõi Á châu”.

Sau khi miền Bắc được giải phóng, đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai đã dìm miền Nam trong biển máu, buộc đồng bào ta không còn con đường nào khác là phải một lần nữa cầm vũ khí lên chiến đấu. Trong những năm kháng chiến chống Mỹ, Người đã nhiều lần gửi thông điệp cho các nhà cầm quyền Mỹ, đề nghị đàm phán hòa bình để sớm kết thúc chiến tranh nhưng học đã đáp lại bằng việc tăng cường hơn nữa cuộc chiến tranh xâm lược. Người đã kêu gọi toàn dân quyết tâm đánh giặc cho đến thắng lợi cuối cùng, thực hiện mục tiêu giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước; mặt khác Người cũng nêu rõ chủ trương phải tranh thủ thời cơ để “vừa đánh vừa đàm”, sẵn sàng mở đường cho quân xâm lược rút ra khỏi đất nước.

Tư tưởng nhân đạo và hòa bình của Hồ Chí Minh còn được thể hiện ở việc yêu quý thanh niên Pháp cũng như thanh niên Việt Nam, những lớp người đầy tài năng và triển vọng đang rất cần cho công cuộc xây dựng của mỗi nước. Với tấm lòng bác ái, nhân hậu và tinh thần yêu chuộng hòa bình giữa các dân tộc, khi nói về thanh niên nước Pháp, nước Mỹ và những người lính bị đưa đi chết uổng trong các cuộc chiến tranh xâm lược của chủ nghĩa đế quốc, thực dân; Người đã từng bộc bạch tâm tình: *“Theo tinh thần bốn bể đều là anh em... tôi thành thực mong muốn thanh niên Pháp và thanh niên Việt Nam hiểu biết lẫn nhau và yêu mến nhau như anh em”, “Than ôi, trước lòng bác ái, thì máu Pháp hay máu Việt cũng đều là máu; người Pháp hay người Việt cũng đều là người”, “Tôi vô cùng công phẫn trước những tổn thất và tàn phá do quân Mỹ gây ra cho nhân dân và đất nước chúng tôi; tôi cũng rất xúc động thấy ngày càng có nhiều thanh niên Mỹ chết vô ích ở Việt Nam”* và *“Những dòng máu đó chúng tôi đều quý như nhau”*...

Đối với tù binh, Người luôn nhắc nhở quân chúng nhân dân phải đối xử tử tế với tinh thần nhân đạo. Có thể nói chính sách khoan hồng đại độ; xóa bỏ những hận thù định kiến và mặc cảm quá khứ; khai thác những yếu tố “tương đồng”, tôn trọng những yếu tố “dị biệt”; nhân lên mẫu số chung những yếu tố “tương đồng”, tôn trọng những yếu tố “dị biệt”; nhân lên mẫu số chung những yếu tố tâm lý, văn hóa, lợi ích dân tộc; khơi dậy trong tâm hồn mọi người tinh thần của những người mang dòng máu Lạc Hồng; trân trọng cái phần thiện, dù nhỏ nhất ở mỗi con người... đã thể hiện rõ nét một tấm lòng độ lượng, nhân ái và một thái độ chân thành, cởi mở của Người. Người đã từng viết: *“Sông to, biển rộng, thì bao nhiêu nước cũng chứa được, vì độ lượng nó rộng và sâu. Cái chén nhỏ, cái đĩa cạn, thì một chút nước cũng đầy tràn, vì độ lượng nó hẹp nhỏ...”*. Đối với những người lầm đường lạc lối đã biết hối cải, thái độ của Người là khoan dung độ lượng, để giúp họ có thể cải tà quy chính, trở về trong lòng dân tộc, làm được những việc có ích cho xã hội.

Tất cả đã thể hiện quan điểm bạo lực của Hồ Chí Minh rất kiên định và đúng đắn, luôn luôn thống nhất tư tưởng bạo lực với tư tưởng nhân đạo và hòa bình. Hồ Chí Minh chính là người đầu tiên đưa ra đường lối đối thoại hòa bình trong quan hệ quốc tế và đã tiến hành đối thoại.

III, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ KHỞI NGHĨA VŨ TRANG TOÀN DÂN

Tiếp thu tư tưởng bạo lực cách mạng của chủ nghĩa Mac-Lênin cùng với việc tổng kết những bài học kinh nghiệm từ lịch sử đấu tranh của dân tộc, tư tưởng về một cuộc khởi nghĩa vũ trang đã được Hồ Chí Minh nghĩ đến từ rất sớm. Tư tưởng này được thể hiện rất rõ trong tác phẩm “Con đường giải phóng”. Ở tác phẩm này Người đã tổng kết kinh nghiệm của các cuộc khởi nghĩa ở Việt Nam từ khi Pháp xâm lược. Người chỉ ra nguyên nhân thất bại của các cuộc khởi nghĩa này là do chưa đủ điều kiện khách quan và chủ quan, chiến lược chiến thuật chưa đúng, không có tính quần chúng rộng rãi, chưa có chính đảng cách mạng đủ khả năng lãnh đạo, không lập tức thi hành những chính sách mang lại lợi ích thiết thực cho nhân dân...

Hội nghị trung ương lần thứ VIII vào tháng 5/1941 đã đánh dấu 1 bước ngoặt lịch sử quyết định chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng. Hội nghị đã khẳng định: Cách mạng Việt Nam phải kết liễu bằng một cuộc khởi nghĩa vũ trang. Tư tưởng có 5 nội dung chủ yếu:

1. Khởi nghĩa vũ trang ở Việt Nam là khởi nghĩa vũ trang toàn dân

Khởi nghĩa vũ trang ở Việt Nam không phải là cuộc nổi dậy của một nhóm nhỏ hay là cuộc manh động của một số ít người như đã diễn ra khá nhiều ở nước ta trước đây mà là cuộc khởi nghĩa do toàn thể dân tộc tiến hành. Nguyễn Ái Quốc đã khẳng định *chỉ có tập hợp được cả dân tộc vào khởi nghĩa vũ trang thì mới đảm bảo đưa khởi nghĩa vũ trang đến thắng lợi.*

2. Khởi nghĩa vũ trang phải biết tạo thời cơ và nắm vững thời cơ

Trên cơ sở đường lối chiến lược, sách lược đúng đắn cùng với việc xây dựng lực lượng phải tìm mọi cách tạo thời cơ và nắm vững thời cơ để phát động khởi nghĩa. Thời cơ khởi nghĩa phải hội đủ 3 điều kiện:

- Chính quyền thực dân đế quốc đã lung lay bối rối đến cao độ, chúng đã cảm thấy không thể ngồi yên nắm giữ địa vị của chúng như trước.
- Quần chúng đói khổ đã căm thù thực dân đế quốc đến cực điểm. Họ đã ý thức được cần phải đồng tâm hiệp lực nổi dậy lật đổ ách thống trị của đế quốc thực dân.
- Đã có một chính đảng cách mạng đủ sức tổ chức, lãnh đạo quần chúng nổi dậy khởi nghĩa theo một đường lối đúng đắn với một kế hoạch phù hợp, đảm bảo giành thắng lợi cho cuộc khởi nghĩa.

Vận dụng tư tưởng này, vào tháng 7/1945, sau khi phát xít Đức, Ý, bại trận, phát xít Nhật ngày càng nguy khốn, Người khẳng định: *“Lúc này thời cơ thuận lợi đã tới, dù hi sinh tới đâu, dù có phải đốt cháy dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập”*. Ngày 13/8/1945, hội nghị Tân Trào quyết định phát động Tổng khởi nghĩa, quân lệnh số 1 tuyên bố **“Giờ khởi nghĩa đã đến”**. Ngày 16/8/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư cho đồng bào toàn quốc kêu gọi Tổng khởi nghĩa: *“Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà giải phóng cho ta... Chúng ta không thể chậm trễ !”*

Cách mạng tháng Tám ở Việt Nam thực sự đã đem lại những bài học điển hình về nghệ thuật tạo thời cơ và nắm vững thời cơ phát động khởi nghĩa giành chính quyền trong cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở các nước thuộc địa.

3. Khởi nghĩa vũ trang là cuộc chiến đấu bằng lực lượng vũ trang kết hợp với đấu tranh chính trị.

Từ quan điểm chung về cách mạng bạo lực, Người chỉ rõ: *Khởi nghĩa vũ trang là “nhân dân vùng dậy dùng vũ khí đũa quan cướp nước. Đó là cuộc đấu tranh to tát về chính trị và quân sự, là việc quan trọng, làm đúng thì thành công, làm sai thì thất bại”.*

4. Khởi nghĩa từng phần đi đến Tổng khởi nghĩa.

Tư tưởng này được thể hiện rõ trong Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ VII(5/1941) :*Với lực lượng sẵn có, ta có thể lãnh đạo một cuộc khởi nghĩa từng phần trong từng địa phương, nếu thắng lợi có thể mở đường cho một cuộc Tổng khởi nghĩa to lớn để giành thắng lợi trong cả nước.*

Thực hiện khởi nghĩa từng phần với sự kết hợp giữa đấu tranh chính trị với đấu tranh du kích đã tạo nên các “xã hoàn toàn”, các “tổng hoàn toàn”, các căn cứ địa cách mạng, các khu giải phóng, trong đó khu giải phóng lớn nhất gồm 6 tỉnh ở Việt Bắc (Cao-Bắc-Lạng-Hà-Tuyên-Thái), chuẩn bị để đi đến tổng khởi nghĩa.

5. Mục tiêu khởi nghĩa-Khởi nghĩa là để giành chính quyền.

Vì mục tiêu khởi nghĩa là giành chính quyền nên sau khi có được chính quyền phải khẩn trương xây dựng chính quyền cách mạng. Đây là chính quyền kiểu mới, khác với bản chất so với chính quyền thực dân phong kiến. Đây không phải chính quyền đứng trên dân để cai trị mà là chính quyền của dân, do dân, vì dân.

Với tinh thần ấy, sau khi Tổng khởi nghĩa tháng 8/1945 thành công, Người đã thành lập chính phủ lâm thời, xây dựng chính quyền nhân dân các cấp từ Trung ương đến thôn xã, buôn, bản,tổ chức Tổng tuyển cử, lập chính phủ chính thức, xây dựng Hiến Pháp, rất nhanh chóng tạo nên một chính quyền hợp hiến ở nước ta. Những việc đó cùng với việc ban hành những chính sách kinh tế - xã hội thiết thực mang lại lợi ích cho nhân dân, làm cho dân càng ra sức ủng hộ và bảo vệ chính quyền cách mạng.

IV. TƯ TƯỞNG KHÁNG CHIẾN TOÀN DÂN, TOÀN DIỆN, TRƯỜNG KÌ DƯA VÀO SỨC MÌNH LÀ CHÍNH.

Cơ sở hình thành tư tưởng:

Dân tộc Việt Nam muốn sống trong hòa bình, trong độc lập và thống nhất để xây dựng đất nước hùng mạnh và phồn vinh, muốn sống hữu nghị hòa hiếu với các quốc gia dân tộc khác, muốn là bạn với tất cả các nước dân chủ. Dân tộc Việt Nam không

muốn gây thù gây oán với ai, không bao giờ muốn gây chiến với ai. Điều ấy đã được chủ tịch Hồ Chí Minh tuyên bố nhiều lần với cả thế giới. Khi chủ nghĩa thực dân đế quốc đem quân đến xâm lược nước ta, buộc dân tộc ta phải chiến đấu chống ngoại xâm. Cuộc chiến tranh mà chúng ta tiến hành vừa là chiến tranh giải phóng, lại vừa là *chiến tranh bảo vệ tổ quốc*. Đó là chiến tranh chính nghĩa chống lại chiến tranh phi nghĩa, chiến tranh nhân dân chống lại chiến tranh xâm lược của bọn thực dân đế quốc. Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, cuộc chiến tranh ấy được thể hiện bằng cuộc *kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kì dựa vào sức mình là chính*.

1. Kháng chiến toàn dân:

Dân tộc ta đã có nhiều kinh nghiệm tiến hành khởi nghĩa và chiến tranh nhân dân. Ý thức dân tộc, đoàn kết chiến đấu để giữ nước giữ nhà, gắn bó nhà với nước ‘ nước mất thì nhà tan’ - đã trở thành truyền thống quý báu của dân tộc ta.

Phần lớn các nhà lãnh đạo yêu nước thời xưa, mặc dù có những hạn chế về giai cấp và lịch sử, nhưng đều thấy sức mạnh của dân đã chủ trương dựa vào dân để chống giặc giữ nước. Trần Quốc Tuấn đã kết luận: “ phải khoan thư sức dân, làm kế sâu để bền gốc, ấy là thượng sách để giữ nước”. Nguyễn Trãi coi sức dân là sức nước, có thể đẩy thuyền cũng có thể lật thuyền “ phải tập hợp bốn phương mạnh mẽ”. Với nhận thức tiến bộ ấy, họ đã biết giương cao ngọn cờ dân tộc và thực hiện một số chính sách để phát huy lòng yêu nước của dân, đoàn kết được nhân dân cùng đứng lên đánh giặc. Nhờ vậy trong các cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm, đông đảo nhân dân không những chỉ hăng hái tham gia vào quân của triều đình quân của các lộ, mà còn xây dựng các đội dân binh, hương binh tại các xã, làng, bản xây dựng nên truyền thống “ trăm họ là binh”, “ cả nước chung sức đánh giặc”.

Kế thừa truyền thống “ giặc đến nhà đàn bà cũng đánh”, truyền thống toàn dân đánh giặc của dân tộc, vận dụng quan điểm “ cách mạng là sự nghiệp của quần chúng”, chủ nghĩa Mác Lenin, chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định những quan điểm rất cơ bản: *dân là chủ; kháng chiến, kiến quốc là sự nghiệp của dân; có dân là có tất cả; khởi nghĩa toàn dân để giành lại nền độc lập cho dân tộc; kháng chiến toàn dân để giữ vững nền độc lập ấy*. Toàn dân, theo tư tưởng Hồ Chí Minh, là toàn thể dân tộc, là mọi công dân nước Việt, mọi người con Lạc cháu Hồng. Điều này được người nói rõ trong *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* chống thực dân Pháp: “ bất kì đàn ông, đàn bà, người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên chống thực dân Pháp để cứu Tổ quốc. Ai có súng dùng súng. Ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc. Ai cung phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước”. Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, Người đã nhiều lần khẳng định 20 triệu đồng bào Việt Nam quyết đánh tan mấy vạn thực dân phản động. Trong kháng chiến chống Mỹ, Người khẳng định cuộc kháng chiến của ta là

cuộc kháng chiến toàn dân; 31 triệu đồng bào ở cả hai miền Nam Bắc, bất kì già trẻ gái trai, phải là 31 triệu chiến sĩ anh dũng diệt Mỹ cứu nước.

Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã động viên được lực lượng toàn dân tham gia kháng chiến ác liệt và lâu dài chưa từng có trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc. Làm được như vậy, trước hết là do Người đã tìm ra con đường cứu nước đúng đắn đáp ứng mong muốn ngàn đời của dân tộc và phù hợp với xu thế chung của thời đại. Đó là con đường gắn độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội, con đường giải phóng triệt để để cho dân tộc, xã hội và con người. Mục tiêu chính trị của cuộc kháng chiến toàn dân không phải chỉ là giữ và giành độc lập cho Tổ quốc, còn người dân vẫn là thần dân, thứ dân, nô dân trong các chế độ quân chủ trước kia. Kháng chiến đi liền với kiến quốc, với việc xây dựng chế độ dân chủ nhân dân, chuẩn bị cho việc đưa cả nước lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng một xã hội mới không còn áp bức bất công. Chính đường lối chính trị đúng đắn của Cách mạng, mục tiêu chính trị đúng đắn của kháng chiến đã tạo khả năng động viên được sức mạnh, nghị lực và tinh thần sáng tạo to lớn của nhân dân khi đi vào chiến tranh, kháng chiến.

Để biến khả năng thành hiện thực, Hồ Chí Minh đã nêu cao chính sách đại đoàn kết dân tộc, tập hợp rộng rãi các lực lượng yêu nước vào trong Mặt trận dân tộc thống nhất, dựa trên nền tảng liên minh công nhân, nông dân và trí thức. Người rất coi trọng công tác tuyên truyền giáo dục, động viên tinh thần nhân dân, làm cho mọi cán bộ, chiến sĩ, mọi người dân hiểu rõ mục tiêu của cách mạng, tính chất của chiến tranh, của kháng chiến, nâng cao lòng yêu nước ý chí kiên cường bất khuất, giác ngộ sâu sắc lợi ích tối cao của dân tộc để tự giác tham gia kháng chiến, và đóng góp tích cực vào cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc.

2. Kháng chiến toàn diện

Chiến tranh là một cuộc thử thách toàn diện đối với sức mạnh vật chất và tinh thần của một đất nước. Vì vậy kháng chiến toàn dân phải gắn liền với kháng chiến toàn diện. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu rõ: Không dùng toàn lực của nhân dân về đủ mọi mặt để ứng phó, không thể nào thắng lợi được. Kháng chiến toàn diện là phát huy mức cao nhất sức mạnh tổng hợp của toàn dân đánh giặc trên tất cả các mặt trận, quân sự, chính trị, ngoại giao, kinh tế, văn hóa, tư tưởng.

Đấu tranh quân sự là hình thức chủ yếu nhất của chiến tranh. Bởi vì cuối cùng bao giờ cũng phải thắng địch về quân sự, phải đập tan các đội quân nhà nghề là công cụ chủ yếu của kẻ xâm lược. Trên tiền tuyến cũng như ở sau lưng địch, phải đánh địch ở khắp mọi nơi, kết hợp chiến tranh du kích với chiến tranh chính qui, kết hợp đánh nhỏ, đánh vừa, đánh lớn, kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị nhằm tiêu hao tiêu diệt càng nhiều sinh lực địch. Phải vừa đánh, vừa xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang làm nòng cốt, xây dựng bộ đội chủ lực mạnh để làm chủ chiến trường.

Đấu tranh chính trị là hình thức đấu tranh cơ bản của chiến tranh nhân dân. Tập hợp mở rộng và củng cố các tổ chức quần chúng, xây dựng và phát triển các lực lượng chính trị, tổ chức và lãnh đạo nhân dân đấu tranh với các hình thức và qui mô phù hợp, để phù hợp với đấu tranh quân sự chống địch ở khắp nơi, làm cho địch phải phân tán lực lượng để đối phó. Phối hợp những cuộc tiến công chính trị của quần chúng với binh, địch vận, đánh vào tinh thần và tổ chức của địch tạo nên những suy yếu, rồi từ ngay trong hàng ngũ của địch. Xây dựng cơ sở quần chúng, tạo điều kiện cho đấu tranh quân sự phát triển.

Tiến hành đấu tranh chính trị và quân sự song song hoặc đưa hình thức nào lên trước là phải căn cứ vào tình hình cụ thể từng vùng với từng lúc mà quyết định. Nhưng nhìn toàn cục thì trong cuộc chiến tranh *quân sự* là *việc chủ chốt trong kháng chiến* để thực hiện mục tiêu, và nhiệm vụ chính trị của cuộc kháng chiến. *Thắng lợi quân sự đem lại thắng lợi cho chính trị, thắng lợi chính trị sẽ làm cho thắng lợi quân sự to lớn hơn.*

Đấu tranh ngoại giao cũng là một mặt trận có ý nghĩa chiến lược, phối hợp với mặt trận quân sự và mặt trận chính trị. Trong chiến tranh, Hồ Chí Minh đã lãnh đạo rất chặt chẽ cuộc chiến tranh về ngoại giao, và bản thân Người đã trực tiếp để thực hiện cuộc đấu tranh này hết sức sắc bén. Người coi trọng công tác tuyên truyền đối ngoại, vạch ra tính chất phi nghĩa phản động của cuộc chiến tranh xâm lược của địch, những tội ác chúng đã gây ra trên đất nước ta, khẳng định tính chất chính nghĩa của cuộc kháng chiến của ta và ý chí quyết tâm dành và giữ độc lập tự do của nhân dân ta, để tranh thủ sự ủng hộ đồng tình của chính phủ và nhân dân các nước, mọi người mọi tổ chức, mọi lực lượng yêu chuộng hòa bình và tiến bộ trên thế giới

Trong đấu tranh ngoại giao, Người đã khéo lợi dụng mâu thuẫn để phân hóa kẻ thù, tập trung mũi nhọn vào kẻ thù chính. Người chủ trương “ Vừa đánh vừa đàm”, “ Đánh là chủ yếu, đàm là hỗ trợ”. Trong đàm phán phải hết sức kiên trì, tỉnh táo, có khi chấp nhận nhân nhượng nhưng là nhân nhượng có nguyên tắc. Trong hai cuộc kháng chiến chống xâm lược, thực hiện tư tưởng Hồ Chí Minh. Mặt trận ngoại giao của ta đã giành được thắng lợi to lớn, đã phát huy được sức mạnh của thời đại. đã hỗ trợ đắc lực cho mặt trận quân sự, mặt trận chính trị dành thắng lợi.

Đấu tranh kinh tế là ra sức tăng gia sản xuất, thực hiện tiết kiệm, xây dựng hậu phương vững mạnh, đủ sức người sức của phục vụ cho tuyến tuyến. Phải phát triển kinh tế ta, phá hoại kinh tế địch. Người kêu gọi “hậu phương thi đua với tiền phương”, coi “ruộng rẫy là chiến trường, cuốc cày là khí, nhà nông là chiến sĩ”; “ Tay cày tay súng, tay búa tay súng, ra sức phát triển sản xuất để phục vụ kháng chiến

Về *đấu tranh văn hóa- tư tưởng*, Người nói: “ Chiến tranh về mặt văn hóa hay tư tưởng so với những mặt khác cũng không kém quan trọng”. Phải phát huy truyền thống văn hóa dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại và của thời đại, tẩy trừ ảnh

hưởng của văn hóa thực dân , thực hiện *văn hóa kháng chiến , kháng chiến văn hóa*. Coi văn hóa là một mặt trận, mỗi nghệ sĩ mỗi trí thức mỗi nhà văn hóa phải là một chiến sĩ trên mặt trận ấy.

Cùng với việc chốn giặc ngoại xâm và giặc đói còn phải chống giặc đói. Còn phải bắt đầu từ việc xóa nạn mù chữ, tích cực nâng cao trình độ dân trí, phát triển văn hóa giáo dục, coi trọng việc đào tạo nhân tài và sử dụng nhân tài để phục vụ sự nghiệp kháng chiến và kiến quốc.

Theo tưởng Hồ Chí Minh phải đấu tranh văn hóa- tư tưởng, còn phải chống những thói hư tật xấu, những hủ tục những thói quen, tập quán lạc hậu..., xây dựng đạo đức mới, lối sống mới, nhân cách mới, nói chung là xây dựng những con người mới để phục vụ kháng chiến và chuẩn bị cho việc xây dựng đất nước sau khi kháng chiến thắng lợi

3. Kháng chiến trường kỳ, dựa vào sức mình là chính

Cơ sở:

Khi bản yêu sách 8 điểm gửi cho Hội nghị Véc Xây bị bác bỏ, Người đã thấy rõ “chủ nghĩa Uynxon” chỉ là một trò bịp bợm lớn”; “Chế độ thực dân, tự bản thân nó, đã là một hành động bạo lực của kẻ mạnh đối với kẻ yếu rồi”. Từ đó Người đi đến kết luận: Muốn được giải phóng , các dân tộc chỉ có thể trông cậy vào mình;”Trong cuộc đấu tranh gian khổ chống kẻ thù của giai cấp và của dân tộc, cần dùng bạo lực cách mạng chống lại bạo lực phản cách mạng, giành lấy chính quyền và bảo vệ chính quyền”.

Nước ta vốn là một nước thuộc địa nửa phong kiến, kinh tế nông nghiệp lạc hậu, trước cách mạng tháng Tám đã trở nên xơ xác dưới hai tầng áp bức bóc lột Nhật-Pháp. Nhân dân ta vừa giành được chính quyền đã phải đánh nhau với bọn thực dân xâm lược Pháp, với những đội quân tinh nhuệ của một nước tư bản hùng mạnh. Chúng muốn đánh đổ chính quyền cách mạng còn rất non trẻ, muốn đè bẹp ta thật nhanh để thiết lập trở lại ách thống trị của chúng trên đất nước ta. Muốn chống lại chúng, nhân dân ta không còn cách nào khác là phải tiến hành cuộc kháng chiến lâu dài, một cuộc kháng chiến trường kỳ.

Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương “trường kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi”. Người nhắc đến kinh nghiệm “ngày xưa tổ tiên ta đã phải kháng chiến trường kỳ mới thắng được ngoại xâm”. Tại sao như vậy? Điều đó đã được người giải thích: “kháng chiến phải trường kỳ, vì đất ta hẹp, dân ta ít, nước ta nghèo, ta phải chuẩn bị lâu dài và phải có sự chuẩn bị về toàn diên của nhân dân”. Người còn nói:”địch muốn tốc chiến, tốc thắng. Ta lấy trường kỳ kháng chiến trị nó, thì địch nhất định thua, ta nhất định thắng”.

Kháng chiến trường kỳ, nhưng không có nghĩa là phải kéo dài vô thời hạn, mà phải nỗ lực vượt bậc, vừa tiêu diệt địch, vừa bồi dưỡng, phát triển lực lượng của ta, càng đánh ta càng mạnh, địch càng yếu, đánh bại từng âm mưu, chiến lược của địch tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn. Trong tình hình đó, phải biết tạo thời cơ và nắm vững thời cơ để giành thắng lợi càng sớm càng tốt.

Dựa vào sức mình là chính là sự tiếp nối truyền thống, độc lập tự chủ, tự lực tự cường của dân tộc. Từ rất sớm, khi tìm thấy con đường cứu nước, Nguyễn Ái Quốc đã nêu lên tư tưởng phải *lấy sức ta mà giải phóng cho ta*. Theo Người, một dân tộc mà không biết tự lực cánh sinh, không biết tự dựa vào sức mình để giải phóng cho mình, mà cứ ngồi chờ sự giúp đỡ của dân tộc khác thì không xứng đáng được độc lập tự do. Tư tưởng ấy đã được quán triệt trong Đảng, trong nhân dân ta, từ đó chúng ta đã tự lực đứng lên làm Cách mạng Tháng Tám thành công mà chưa có sự giúp đỡ trực tiếp của bất cứ ai. Trong những năm đầu kháng chiến chống thực dân xâm lược Pháp nhân dân ta đã chiến đấu trong vòng vây với tinh thần tự lực cao độ. Khi đã tranh thủ được sự giúp đỡ quốc tế, tinh thần tự lực cánh sinh, dựa vào sức mình là chính vẫn giữ nguyên ý nghĩa quan trọng của nó để chúng ta không rơi vào tình trạng trông chờ, ỷ lại, dựa dẫm, đánh mất tính độc lập tự chủ, tinh thần tự lực tự cường vô cùng quý giá của mình. Bởi lẽ, không độc lập tự chủ, không tự lực tự cường thì nhất định sẽ biến mình thành lệ thuộc.

Nhưng độc lập tự chủ, tự lực tự cường, dựa vào sức mình là chính không có nghĩa là mình tự cô lập mình. Hồ Chí Minh luôn xác định Cách mạng Việt Nam là một bộ phận của Cách mạng Thế giới, Cách mạng Việt Nam muốn thắng lợi phải liên hệ với cách mạng Thế giới, phải tranh thủ được sự đồng tình, ủng hộ của cách mạng Thế giới. Vì vậy, khi nói tự lực cánh sinh dựa vào sức mình là chính Người không quên tận lực tranh thủ sự giúp đỡ của quốc tế và luôn có ý thức đấu tranh góp phần vào thắng lợi của phong trào cách mạng Thế giới.

Dựa vào sức mình là chính, đồng thời tranh thủ sự giúp đỡ của quốc tế-quan điểm đó đã được Hồ Chí Minh khẳng định trong suốt tiến trình cách mạng Việt Nam, trong chiến tranh giải phóng và chiến tranh bảo vệ tổ quốc của nhân dân ta. Trong suốt cuộc kháng chiến 30 năm của dân tộc Người đã nêu cao ý chí độc lập tự chủ, tự lực tự cường của dân tộc, đồng thời Người đã tìm mọi cách tranh thủ sự giúp đỡ to lớn và sự đồng tình, ủng hộ mạnh mẽ của các nước XHCH, của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, của phong trào giải phóng dân tộc, phong trào hòa bình thế giới, của cả nhân loại tiến bộ, kể cả nhân dân Pháp và nhân dân Mỹ.

V NGHỆ THUẬT QUÂN SỰ

Nói đến nghệ thuật quân sự là nói đến cách đánh, cách dùng binh đã trở thành thông thạo, điều luyện để dành thắng lợi trong một trận chiến đấu, một chiến dịch hay trên

toàn bộ chiến trường. Nghệ thuật quân sự không có một khuôn mẫu cụ thể nào, nó có thể được biến hoá khôn lường, muôn hình muôn vẻ.

Năm 938, chiến thắng Bạch Đằng của Ngô Quyền trước quân Nam Hán là một điển hình cho nghệ thuật đánh bằng mưu kế, thắng bằng thế, thời: Sau khi Kiều Công Tiễn ám sát Dương Đình Nghệ để đoạt chức Tiết độ sứ và bán nước cho nhà Nam Hán, Ngô Quyền - một tướng tài giỏi và là con rể của Dương Đình Nghệ, lúc đó đang được cử trông coi Ái Châu (Thanh Hoá) - liền kéo quân ra Bắc trị tội tên phản bội và chuẩn bị đón đánh quân Nam Hán. Quân Nam Hán dùng thủy quân vào đánh chiếm nước ta theo vịnh Hạ Long. Ngô Quyền cho binh lính đóng cọc lim trên cửa sông Bạch Đằng. Khi thủy triều lên, ông cho thuyền nhẹ ra khiêu chiến, nhử địch vào trong cửa sông. Khi thủy triều xuống, thuyền quân ta phản công, phối hợp với phục binh ở hai bên bờ. Thuyền địch vướng phải cọc đâm vỡ, giặc bị chết và bị bắt rất nhiều, chỉ huy Hoàng Tháo bị giết tại trận. Mưu kế của Ngô Quyền trong trận này bắt nguồn từ kinh nghiệm dựa vào quy luật thủy triều lên xuống của dân chài, thế - thời được vận dụng rất rõ và rất hay. Thế là cọc Bạch Đằng, thời là nước thủy triều lên xuống.

Cuối năm 1788, nhân cơ hội Lê Chiêu Thống cầu cứu, quân Thanh, dưới sự chỉ huy của Tôn Sĩ Nghị, tiến vào nước ta chiếm đóng Thăng Long. Trước tình hình đó, Nguyễn Huệ tiến quân ra Bắc, khẩn trương chuẩn bị phản công. Nguyễn Huệ chia lực lượng làm hai khối: khối bao vây và khối tiến công. Liên tiếp trong ba ngày, quân ta tiến công tiêu diệt mấy vạn quân Thanh và quân của Lê Chiêu Thống. Sau đó, quân ta tiến hành công kích các mục tiêu chủ yếu: Nguyễn Huệ tiến đánh Ngọc Hồi từ chính diện; Đặng Tiến Đông tiến công Đống Đa. Kết quả là Tôn Sĩ Nghị tháo chạy khỏi Thăng Long, tướng giặc Sầm Nghi Đống và Hứa Thế Hanh bị giết, hàng vạn quân bị tiêu diệt. Chỉ sau năm ngày tác chiến, Nguyễn Huệ cùng đại quân tiến vào kinh đô, đất nước được hoàn toàn giải phóng. Có thể nói, tài năng, nghệ thuật quân sự của Quang Trung - Nguyễn Huệ đã đạt tới đỉnh cao, chiến tích trận Thăng Long có thể so sánh với các trận đánh hay nhất trong lịch sử chiến tranh thế giới, là sự kết hợp giữa chính binh và kỳ binh. Đánh chính diện - đó là chính binh, kết hợp với bao vây vu hồi, đánh vào sau lưng - đó là kỳ binh. Đây là một nghệ thuật hay và hiểm, có tính bất ngờ cao, tính thời cơ lớn, và vua Quang Trung đã vận dụng nghệ thuật này một cách hoàn hảo.

Trên đây chỉ là hai trong số rất nhiều trận đánh trong lịch sử quân sự nước ta, giành đại thắng nhờ nghệ thuật quân sự tài tình. Trận Như Nguyệt (Lý Thường Kiệt đánh quân xâm lược Tống), trận Chương Dương - Thăng Long, trận Bạch Đằng, trận Chi Lăng - Xương Giang cũng là những trận đánh tiêu biểu cho khả năng vận dụng tuyệt vời nghệ thuật quân sự của người cầm quân.

Đến thời đại Hồ Chí Minh, nghệ thuật quân sự được vận dụng một cách linh hoạt, sáng tạo, chủ động và có bước trưởng thành mới. Chiến tranh nhân dân ba thứ quân là bảo bối của kháng chiến, đã phát huy được sức mạnh của toàn dân. Ba thứ quân đó là

quân chủ lực, quân địa phương và dân quân tự vệ, du kích. Chiến dịch Biên giới năm 1950, chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954, chiến dịch Đường 9 - Nam Lào năm 1971, chiến dịch Tây Nguyên 1972, cuộc các chiến dịch trong chiến cục Xuân 1975... là các chiến dịch có ý nghĩa chiến lược, có sự vận dụng mềm dẻo, linh hoạt những mưu kế, nghệ thuật dụng binh trong lịch sử, đã đưa nghệ thuật quân sự trong chiến tranh nhân dân của Việt Nam lên một đỉnh cao mới. Nhờ vậy mà các chiến dịch đã giành được những thắng lợi mang tầm vóc lịch sử.

Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nói: “Quả cân chỉ một kilôgam, ở vào thế lợi thì lực của nó tăng lên nhiều, có sức mạnh làm bổng được vật nặng hàng trăm kilôgam. Đó là thế thắng lực”. Xa hơn nữa, trong tác phẩm *Quân trung từ mệnh tập* có nói: “Được thời có thế, thì mất biến thành còn, nhỏ hoá ra lớn, mất thời không thế, thì mạnh hoá ra yếu, yên lại thành nguy, sự thay đổi ấy chỉ trong khoảng trở bàn tay”. Điều đó cho thấy tầm quan trọng vô song của nghệ thuật quân sự.

Vì vậy mà trong tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh, vấn đề nghệ thuật quân sự chiếm một vị trí đặc biệt quan trọng. Người đã viết nhiều tác phẩm về nghệ thuật quân sự, như *Cách đánh du kích*, *Phép dùng binh của Tôn Tử*, *Kinh nghiệm du kích Nga*,... *Cách đánh du kích* là một tác phẩm không chỉ có giá trị cho du kích, mà còn cho quân đội chính quy Việt Nam trong chiến đấu chống các đội quân xâm lược mạnh hơn cả về số lượng và trang bị kỹ thuật, trong đó đã đề cập đến các vấn đề quân sự quan trọng, từ nguyên tắc tổ chức đến những cách đánh cụ thể trong tiến công, trong phòng ngự...

Tư tưởng Hồ Chí Minh về nghệ thuật quân sự bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

1. Nắm vững tư tưởng chiến lược tiến công, luôn dành thế chủ động

Nghệ thuật quân sự Hồ Chí Minh là phải luôn luôn tiến công, chủ động giành thế tiến công. Có tiến công mới làm cho địch suy yếu, càng bộc lộ những mặt yếu cơ bản của chúng, làm cho ta mạnh dần lên, phát huy những mặt mạnh ưu thế của ta. Cho nên phải "Kiên quyết không ngừng thế tiến công".

Thế nào là chủ động? Theo Hồ Chí Minh "giữ quyền chủ động là khôn khéo sử khiến quân thù, muốn đánh nó ở chỗ nào thì đưa nó đến đó mà đánh, muốn đưa nó vào bẫy của mình có thể đưa được". Hay nói cách khác, chủ động tức là đẩy địch vào thế bị động đối phó với ta. Thế chủ động còn thể hiện ở chỗ chủ động tiến công và chủ động rút lui đúng nơi, đúng lúc nhằm bảo đảm chắc thắng và bảo toàn lực lượng. Tư tưởng chiến lược tiến công không loại trừ cách đánh phòng ngự. Nhưng, như Người phân tích, phòng ngự là phòng ngự chủ động, là “phòng ngự thế công”, là “tiến công thoái thủ nhanh như chớp”, là “tiến công, phòng ngự không sơ hở”.

Tiến công phải nắm vững nguyên tắc chắc thắng, không phiêu lưu mạo hiểm. Người luôn giáo dục cán bộ không được chủ quan khinh địch, tích cực tiêu diệt địch nhưng phải biết “bảo toàn lực lượng để kháng chiến lâu dài”, phải tiết kiệm sức quân, tiết kiệm sức dân. Chắc thắng thì đánh không chắc thắng thì kiên quyết không đánh.

Ngày nay, kẻ thù của chúng ta là chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch, có ưu thế và tiềm lực kinh tế, quân sự, khoa học công nghệ mạnh, trên cơ sở đánh giá đúng mạnh yếu của địch và ta, chúng ta phải biết phát huy sức mạnh của mọi lực lượng, vận dụng linh hoạt mọi hình thức và qui mô tác chiến, mọi cách đánh mới có thể tiến công địch liên tục, mọi lúc, mọi nơi. Không chỉ tiến công trên mặt trận quân sự mà phải tiến công toàn diện trên mọi mặt trận, đặc biệt là mặt trận chính trị, binh vận, thực hiện “mưu phạt công tâm”, đánh vào lòng người, góp phần thay đổi cục diện chiến tranh

2.Kết hợp chặt chẽ lực, thế, thời, mưu

Nghệ thuật quân sự Hồ Chí Minh là vừa đánh vừa xây dựng lực lượng, càng đánh càng mạnh, càng đánh càng thắng, là dám đánh và biết đánh. Dám đánh là điều kiện hàng đầu, nhưng biết đánh, biết thắng mới là yếu tố quan trọng làm nên thắng lợi. Muốn đánh thắng, theo Hồ Chí Minh, trước hết phải đánh giá đúng địch, ta. Sinh thời, Người thường nhắc câu nói nổi tiếng của Tôn Tử: "Tri bỉ tri kỷ, bách chiến bất bại" (biết địch biết ta, trăm trận không thua). Người nói: Nếu thiếu nghiên cứu tìm hiểu khả năng của ta và của địch một cách tỉ mỉ để đề ra mục đích, cách đánh thích hợp thì mắc nhiều khuyết điểm. Hồ Chí Minh đánh giá so sánh lực lượng địch, ta trên quan điểm chiến tranh nhân dân, theo phương pháp khoa học biện chứng, không dừng lại ở hiện tượng mà nhìn sâu vào bản chất, nhìn toàn diện, không đánh giá địch, ta một cách tĩnh mà đặt nó trong quá trình đang vận động. Chính vì vậy, trong thời kỳ đầu kháng chiến chống Pháp, so sánh địch ta có chênh lệch lớn nên có người cho là "châu chấu đá voi". Nhưng Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn khẳng định: "Ta nhất định thắng, địch nhất định thua". Người phân tích: Địch như mặt trời vào lúc hoàng hôn, hống hách lắm nhưng đã gần tắt nghỉ, lực lượng ta ngày càng mạnh thêm như suối mới chảy, như lửa mới nhen, chỉ có tiến không có thoái", "Thế địch như lửa, thế ta như nước, nước nhất định thắng lửa". Hồ Chí Minh tiên đoán: "Nay tuy châu chấu đá voi nhưng mai voi sẽ lòe ruột ra". Quy luật chung của chiến tranh là mạnh được yếu thua. Ta muốn thắng địch phải mạnh hơn địch. Sức mạnh đó được tạo ra trong quá trình chiến tranh để thực hiện càng đánh càng mạnh, càng mạnh càng thắng và cuối cùng giành thắng lợi hoàn toàn. Quá trình đó theo Hồ Chí Minh là quá trình vận dụng các nhân tố lực, thế, thời, mưu. Bác Hồ nói: "Phải nghiên cứu cách đánh giặc để có một lối đánh rất tài giỏi thì trăm trận trăm thắng".

Lực là sức mạnh tinh thần và vật chất của từng người, từng đơn vị từng địa phương và cả nước, là lực lượng của toàn quân, toàn dân. Muốn tạo lực, theo Hồ Chí Minh là phải dựa vào dân, "**có dân là có tất cả**". Muốn dựa vào dân thì dân phải được tổ chức

chặt chẽ, được giác ngộ lòng yêu nước, phải chăm lo bồi dưỡng sức dân mới có cơ sở tạo ra lực mới.

Thế là không gian và địa bàn hoạt động, là cách bố trí lực lượng, cách chọn hướng tiến công để phát huy được sức mạnh đánh địch. Từng trận chiến đấu, từng chiến dịch, từng chiến trường và trên cả nước đều tạo ra thế thuận lợi, thế mạnh để đánh địch, luôn tạo ra thế trận toàn dân căng địch ra mà đánh, để quân đội tập trung lực lượng đánh vào những chỗ sơ hở, chỗ yếu, chỗ hiểm của địch. Nét độc đáo trong nghệ thuật quân sự Hồ Chí Minh về tạo thế là phải xây dựng "thế trận lòng dân". Theo Người đó là thế trận vững chắc nhất, quyết định nhất. Hồ Chí Minh cho rằng: "Phải dựa chắc vào dân thì kẻ địch không thể nào tiêu diệt được ta". Thế có quan hệ với lực. Ở vào một thế tốt thì lực được nhân lên gấp bội.

Thời là thời gian, thời điểm, thời cơ tấn công địch. Chọn thời điểm tấn công bất ngờ vào lúc địch không chuẩn bị, không đề phòng, không dự đoán trước, để bảo đảm đã đánh là chắc chắn dành được thắng lợi. Việc chớp thời cơ, giành thắng lợi trong Cách mạng Tháng Tám là một ví dụ. Theo Hồ Chí Minh, phải biết tận dụng thời gian, vì thời gian là lực lượng, thời gian là sức mạnh, Hồ Chí Minh dùng kế "Trường kỳ kháng chiến", "Vừa kháng chiến vừa kiến quốc" để có thời gian chuẩn bị mọi mặt và chuyển dần từ thế yếu lên thế mạnh. Người nói: giặc Pháp có "vỏ quýt dày", ta phải có thời gian để mài "móng tay nhọn". Bác Hồ nói: Thắng lợi và trường kỳ đi đôi với nhau "Trường kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi!". Muốn ăn quả tốt phải trồng cây to. Trường kỳ kháng chiến, theo Hồ Chí Minh không đối lập với tư tưởng chiến lược tiến công. Trong bài thơ "Học đánh cờ", Người đã khái quát:

"Lạc nước, hai xe đành bỏ phí,

Gặp thời, một tốt cũng thành công"

Cùng với tạo lực, tạo thế, tranh thời, nghệ thuật quân sự Hồ Chí Minh còn nhấn mạnh phải biết lập mưu. Trong quân sự, mưu là toàn bộ chủ trương, ý đồ, quyết tâm chiến đấu, kế hoạch chiến lược, chiến dịch; mưu còn là tài thao lược của các tướng lĩnh, là tinh thần mưu trí sáng tạo, linh hoạt của cán bộ lãnh đạo, chỉ huy trong lúc lâm trận, mưu còn là thuật nghi binh đánh lừa địch, tạo ra động thái thực thực, hư hư trong chiến tranh, dùng mưu-phải quyết đoán, dũng cảm, khi tiến đánh thì phải thật nhanh, nếu trù trừ, do dự sẽ mất thời cơ. Theo Hồ Chí Minh dụng mưu thế trong lúc địch mạnh hơn ta phải dùng sức mạnh của toàn dân, dùng mưu trí của toàn dân, "đánh giặc bằng mưu, thắng giặc bằng thế". Mưu trong nghệ thuật quân sự Hồ Chí Minh là phải sử dụng tất cả các yếu tố: lực, thế, thời, mưu để tạo ra cách đánh thích hợp, hiệu quả. Người chỉ huy, người làm tướng có mưu trí bao giờ cũng tính toán, lo lắng đến cả hai mặt lợi và hại. Lo mặt lợi mới có đủ tin tưởng làm tròn nhiệm vụ. Lo mặt hại mới tìm mưu kế để giải trừ gian nguy.

Với tinh thần trên, Người chủ trương *dĩ nhu xử cương* (lấy mềm mỏng đối phó lại cứng mạnh). “Hai hòn đá cùng chọi nhau thì hai hòn cùng vỡ, hai cái trứng chọi nhau thì hai cái cùng vỡ. Phải một cái cứng, một cái mềm thì khi chọi nhau một cái mới còn. Nên hai bên cùng dùng mưu trí.

Pháp có xe tăng, đại bác thì ta phá đường.

Pháp có máy bay thì ta đào hầm

Pháp muốn đánh chớp nhoáng thì ta kéo dài. Nhất định ta thắng!”

Người đặc biệt nhấn mạnh cách đánh lừa địch, cách đánh địch bất ngờ, đặc biệt trong điều kiện địch mạnh ta yếu, địch có vũ khí trang bị hơn ta gấp nhiều lần. Như Tôn Tử đã từng nói “Việc binh là đạo lừa dối”

Kế thừa tư tưởng về “thiên thời, địa lợi, nhân hòa” của người xưa, Người coi trọng cả ba nhân tố, trong đó nhân hòa là coi trọng bậc nhất. Có nhân hòa mới có lực lượng, mới tạo ra được thế trận và thời cơ có lợi đánh thắng địch trong từng trận chiến đấu, cũng như trong toàn bộ một cuộc chiến tranh.

Trong kháng chiến toàn dân, toàn diện, phải đánh địch bằng mọi lực lượng: bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, quân dân du kích. Phải đánh địch bằng mọi quy mô: từng người đánh, từng đơn vị đánh, có đánh lớn, có đánh nhỏ. Phải đánh bằng mọi thứ vũ khí trang bị có trong tay, đặc biệt phải cướp vũ khí của địch để tiêu diệt địch, đánh ở mọi nơi, mọi lúc nếu điều kiện cho phép, đánh trên tất cả các lĩnh vực. Đó là phương châm của chúng ta trong Cách mạng Tháng Tám, trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ xâm lược. Trong Cách mạng Tháng Tám dưới sự chỉ đạo của Hồ Chí Minh, toàn Đảng, toàn dân ta đã khéo kết hợp giữa khởi nghĩa ở nông thôn với khởi nghĩa ở thành thị, giữa đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị, giữa giành chính quyền ở từng địa phương và giành chính quyền trong cả nước.

Đánh du kích không những có vị trí chiến lược trong khởi nghĩa vũ trang, mà cả trong chiến tranh cách mạng, Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh: “... làng nào, huyện nào, tỉnh nào cũng có du kích, thì nó thành một tấm lưới sắt, một thứ “thiên la, địa võng” mà địch không tài gì thoát ra được”. Mục đích của du kích chiến đấu không phải là đánh lớn ăn to, mà phải đánh tĩa dần, đánh liên tục, đánh cho địch ăn không ngon, ngủ không yên, làm cho địch bị tiêu hao về sinh lực, suy nhược về tinh thần, hao mòn về vật chất rồi đi đến chỗ bị tiêu diệt. Tướng [Pháp](#) Pellet đã đánh giá về sức mạnh và hiệu quả của loại hình chiến tranh này như sau: “Trong cuộc chiến tranh du kích này, kẻ địch (quân dân Việt Nam) ở khắp nơi – không có mặt trận cố định cũng không có những công trình phòng ngự đặt đúng vị trí mà ở đó chúng ta có thể sử dụng có hiệu quả những phương tiện chiến đấu mạnh và hiện đại để tiêu diệt địch. Mỗi bụi tre, mỗi mái nhà đều có thể che dấu kẻ

địch. Như thế sẽ thấy tinh thần của quân đội ta căng thẳng đến chừng nào, vì ở bất cứ đâu, không kể ngày đêm đều phải chống cự với kẻ địch mà ta không thể nắm được”.

Đánh tập trung là nhằm tiêu diệt một số lớn quân địch. Phải từ đánh du kích tiến lên đánh tập trung và kết hợp chặt chẽ hai hình thức đó, để tiêu hao tiêu diệt địch ngày càng nhiều. Người coi tiêu diệt sinh lực địch là điều kiện quyết định thắng lợi: “Đối với một người, làm thương tổn 10 ngón tay không đau đớn bằng cắt đứt hẳn đi 1 ngón tay. Về quân sự cũng vậy, đánh bại 10 sư đoàn không bằng trừ diệt 1 sư đoàn”. Kết hợp sinh lực với phá hủy phương tiện chiến tranh, chú trọng tiêu diệt bộ phận sinh lực tinh nhuệ nhất của địch, nhất là cơ quan đầu não.

Cách đánh của “đặc công”, “biệt động” là một sáng tạo đặc sắc của tư tưởng lấy nhỏ đánh lớn, lấy ít địch nhiều, “xuất quỷ nhập thần, thiên biến vạn hóa” theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

4.Đánh vào lòng người,kết hợp tác chiến với binh vận, địch vận

Vấn đề tâm công đã được đặt ra trong lịch sử chiến tranh các nước từ lâu. Trong đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc ta, ông cha ta rất coi trọng việc đánh vào lòng người. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kế thừa và phát triển những kinh nghiệm của quá khứ vào những điều kiện mới của chiến tranh cách mạng ở nước ta, thể hiện ở chỗ Người rất coi trọng công tác binh vận, địch vận. Cần vận động không phải chỉ binh sĩ trong đội quân viễn chinh của bọn thực dân đế quốc, mà còn cả binh sĩ trong ngũ quân do chúng dựng lên. Người đã từng nói với những cán bộ làm công tác địch vận : “Sách quân sự có câu: Đánh mà thắng địch là giỏi, không đánh mà thắng lại càng giỏi hơn. Không đánh mà thắng là nhờ địch vận. Nếu các chú khéo ngũ vận thì đó cũng là cách tiêu diệt địch”.

Xuất phát từ truyền thống “Lấy đại nghĩa thắng hung tàn, lấy chí nhân thay cường bạo”, Người rất tin ở khả năng cảm hóa binh sĩ địch, một khi ta làm cho họ rõ được cuộc chiến tranh họ đang tiến hành là phi nghĩa, thức tỉnh lương tri của họ hướng về cuộc chiến đấu chính nghĩa của chúng ta. Người rất coi trọng chính sách khoan hồng, nhân đạo đối với tù binh và những binh sĩ bỏ hàng ngũ địch chạy sang hàng ngũ ta.

5.Biết khởi đầu và biết kết thúc chiến tranh

Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, chúng ta chỉ tiến hành chiến tranh giải phóng, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc khi không còn con đường nào khác, khi không còn chút hi vọng nào để cứu vãn hòa bình. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và chống đế quốc Mỹ xâm lược đều bắt đầu như vậy. Đây là tư tưởng được bắt nguồn từ truyền thống đánh giặc của cha ông.

Kháng chiến là trường kì, nhưng trường kì không có nghĩa là vô thời hạn. Thời hạn đó là bao nhiêu thì không thể nói trước được.Điều đó tùy thuộc vào quyết tâm cố gắng

của quân dân ta trong cả nước, chủ yếu để làm thay đổi tương quan lực lượng giữa ta và địch trên chiến trường và trong toàn bộ cuộc chiến tranh, bên cạnh đó là những biến đổi của tình hình thế giới có ảnh hưởng đến nước ta.

Trong điều kiện lực lượng so sánh địch-ta quá chênh lệch lúc đầu, quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh và của Đảng ta là *phải dành thắng lợi từng bước, tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn, phải biết kết thúc chiến tranh vào thời điểm thích hợp và có lợi nhất*. Kết thúc chiến tranh không có nghĩa là cho đến lúc tiêu diệt hết lực lượng của địch. Phải chủ động kết thúc chiến tranh khi ý chí xâm lược của kẻ thù đã hoàn toàn bị đánh bại. Kết thúc chiến tranh không có nghĩa là dồn địch vào đường cùng không lối thoát. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, ta đánh bại cố gắng cao nhất và cũng là cố gắng cuối cùng của địch trong chiến dịch Đông-Xuân 1953-1954 tại Điện Biên Phủ, đi đến kết thúc chiến tranh bằng hiệp định Giơnevơ. Trong kháng chiến chống đế quốc Mỹ, ta liên tiếp đánh bại các chiến lược của chúng, cuối cùng buộc chúng phải kí hiệp định Pari và rút quân khỏi Việt Nam. Sau đó, ta đánh bại quân Ngụy, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

VI TƯ TƯỞNG VỀ XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG CHÍNH TRỊ VÀ LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN

Chủ tịch Hồ Chí Minh là người sáng lập, giáo dục và rèn luyện quân đội ta, người cha thân yêu của các lực lượng vũ trang nhân dân (LLVTND) Việt Nam. Tư tưởng của Người về xây dựng LLVTND được hình thành phát triển trong quá trình đấu tranh cách mạng của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng. Theo Bác, xây dựng lực lượng vũ trang (LLVT) cách mạng phải bắt đầu từ việc xây dựng lực lượng chính trị quần chúng, trên cơ sở đó xây dựng và phát triển lực lượng quân sự, từ đấu tranh chính trị tiến lên kết hợp với đấu tranh vũ trang. Hồ Chí Minh nhấn mạnh: Muốn có đội quân vũ trang phải có đội quân tuyên truyền vận động, đội quân chính trị trước.

Về mặt tổ chức, Bác chủ trương xây dựng LLVTND gồm 03 thứ quân: bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích. Tư tưởng của Người về xây dựng 03 thứ quân là mối quan hệ giữa LLVT tập trung với các LLVT địa phương được nêu rõ trong Chỉ thị thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân tháng 12/1944. Như vậy theo tư tưởng của Bác, xây dựng LLVTND gồm 03 thứ quân làm nòng cốt cho toàn dân đánh giặc là hình thức tổ chức thích hợp nhất để phát huy sức mạnh của cả dân tộc, phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh nước ta, phù hợp với nghệ thuật quân sự và cách đánh của chiến tranh nhân dân Việt Nam. Là vị thống soái tối cao của cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh thường xuyên quan tâm xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam thành một quân đội cách mạng vững mạnh về mọi mặt từng bước tiến lên chính quy hiện đại. Trước hết, Người đặc biệt chăm lo xây dựng quân đội vững mạnh về chính trị, trong đó cốt lõi là tăng cường bản chất giai cấp

công nhân, giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với quân đội, bảo đảm cho quân đội tuyệt đối trung thành với Đảng, với mục tiêu lý tưởng cách mạng. Người nhấn mạnh: Xây dựng quân đội vững mạnh về chính trị là cơ sở, nền tảng để xây dựng quân đội vững mạnh toàn diện, bởi vì: chính trị là vận mệnh của quân đội cách mạng. Do đó, Người đã chỉ thị: Phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong quân đội, phải tăng cường giáo dục chính trị để nâng cao giác ngộ XHCN cho toàn quân.

Người luôn quan tâm đến việc xây dựng quân đội thực sự là quân đội của dân, do dân, vì dân. Người thường xuyên nhắc nhở: Phải nhớ rằng nhân dân là chủ. Dân như nước, mình như cá, lực lượng bao nhiêu là nhờ ở dân hết. Nhân dân là nền tảng, là cha mẹ của bộ đội. Người dặn dò bộ đội: Mình đánh giặc là vì nhân dân, nhưng mình không phải là cứu tinh của nhân dân mà mình có trách nhiệm phụng sự nhân dân. Trong buổi đầu thành lập đội quân đầu tiên của cách mạng Việt Nam, nhấn mạnh nguyên tắc lấy dân làm gốc. Người chỉ rõ: Phải dựa vào dân, dựa chắc vào dân thì kẻ địch không thể nào tiêu diệt được. Chỉ có dựa vào dân quân đội ta mới có thể phát triển được nhanh chóng vững mạnh. Người khái quát: Quân đội ta có sức mạnh vô địch vì nó là một quân đội nhân dân do Đảng ta xây dựng và lãnh đạo, giáo dục.

Vận dụng sáng tạo nguyên tắc tập trung dân chủ của Đảng vào xây dựng quân đội cách mạng. Bác chỉ rõ nguyên tắc tổ chức của quân đội ta là Phải có tổ chức vững chắc và nghiêm ngặt, nếu không có tổ chức thì không phải là quân đội cách mạng, không thể đánh thắng được, cho nên phải giữ kỷ luật quân sự 'quân lệnh như sơn', đi đôi với thực hiện dân chủ, tự phê bình và phê bình từ dưới lên, chống quân phiệt độc đoán, chống tự do, vô kỷ luật. Người dạy: Kỷ luật là sức mạnh của quân đội, do đó kỷ luật phải tự giác, nghiêm minh, phải thực hiện kỷ luật trong dân chủ, dân chủ phải có kỷ luật.

Một nét đặc sắc trong tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng quân đội là lấy việc bồi dưỡng, xây dựng con người là chính. Theo Bác, người quân nhân có tư tưởng vững, chính trị vững, kỷ luật khá, thân thể khỏe mạnh thì nhất định thắng, còn nếu chính trị khá nhưng quân sự kém hoặc quân sự chính trị đều khá nhưng thân thể yếu đuối thì cũng không thắng được. Vì vậy, Người thường xuyên nhắc nhở cán bộ chiến sĩ ra sức phấn đấu để có phẩm chất và năng lực toàn diện đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp cách mạng.

Mặt khác, Bác cũng đặc biệt quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ, coi đó là khâu then chốt để nâng cao sức mạnh chiến đấu của quân đội ta. Người xác định: Tướng là kẻ giúp nước. Tướng giỏi thì nước mạnh. Tướng xoàng thì nước hèn. Người đề ra sáu tiêu chuẩn đối với người tướng là: Trí, Dũng, Nhân, Tín, Liêm, Trung. Đặt chữ Trí lên đầu, Người nhấn mạnh tinh thần trách nhiệm, thái độ của người tướng đối với nhiệm vụ, đối với binh sĩ, đối với nhân dân và đối với kẻ thù. Người yêu cầu người chỉ huy về quân sự cũng như về chính trị phải làm kiêu mẫu, nói phải đi đôi với làm và Người đã tự mình làm gương cho cán bộ noi theo.

VII. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG CĂN CỨ ĐỊA, XÂY DỰNG HẬU PHƯƠNG, XÂY DỰNG NỀN QUỐC PHÒNG TOÀN DÂN

Từ ngàn xưa ông cha ta đã dựa vào điều kiện “thiên thời địa lợi nhân hoà” để “dựng đất căn bản” từ học thuyết quân sự của Mác-Lênin coi hậu phương là nhân tố quyết định của chiến tranh. Chủ tịch Hồ Chí Minh rất coi trọng việc xây dựng hậu phương để tạo tiềm lực và chỗ đứng chân trong khởi nghĩa và trong chiến tranh.

1. Xây dựng căn cứ địa:

Năm 1941, ngay khi xây dựng những đội du kích đầu tiên, người đã chỉ rõ: Khi du kích đã khá đông thì phải có căn cứ địa... du kích dùng nơi đó làm chỗ đứng chân, tiến có thể đánh và phát triển lực lượng, lui có thể đứng và giữ gìn lực lượng.. Đó là nơi có địa thế hiểm trở, có dân chúng giác ngộ và ủng hộ cách mạng, đặc biệt là lòng dân: bởi lẽ lòng dân là chỗ dựa vững chắc nhất của kháng chiến, của cách mạng

Việc xây dựng các căn cứ du kích, các chiến khu giải phóng từ năm 1941 đến năm 1945 là điều kiện rất quan trọng đảm bảo cho Tổng khởi nghĩa Tháng Tám thắng lợi.

Trong kháng chiến chống Pháp, Người chủ trương “vừa kháng chiến, vừa kiến quốc” khẩn trương xây dựng chính quyền và Mặt trận Liên Việt, kêu gọi toàn dân thi đua ái quốc “chống giặc đói, chống giặc dốt, chống giặc ngoại xâm”, “hậu phương thi đua với tiền phương”, “tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng”; thi đua thực hành “cần, kiệm, liêm, chính, thi hành đúng chính sách của Đảng và Chính Phủ, thực hiện chính sách bồi dưỡng sức dân để kháng chiến lâu dài.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cùng với đảng chỉ đạo xây dựng căn cứ địa Việt Bắc, các khu du kích và căn cứ du kích ở vùng địch tạm chiến, củng cố các kvùng tự do Khu IV, Khu V, xây dựng các vùng Khu VI, Đông Nam bộ, Tây Nguyên, Đồng Tháp Mười... làm hậu phương, làm căn cứ địa để cung cấp sức người sức của cho kháng chiến, phát triển chiến tranh nhân dân ngày càng mạnh.

2. Xây dựng hậu phương:

Trong kháng chiến chống Mỹ, Người xác định Miền Bắc là hậu phương lớn của tiền tuyến lớn Miền Nam, Miền bắc vững mạnh là cơ sở vững chắc cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà. Quân và dân Miền Bắc đã ra sức xây dựng chủ nghĩa xã hội ngay trong điều kiện cả nước có chiến tranh, phát triển kinh tế, văn hoá, xây dựng quân đội, củng cố quốc phòng, đánh bại chiến tranh phá hoại của địch, làm cho Miền Bắc ngày càng vững mạnh chi viện sức người sức của càng nhiều cho Miền Nam.

Người chủ trương giữ vững và tăng cường tình đoàn kết quốc tế, tranh thủ sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa anh em, sự đồng tình, ủng hộ của chính phủ và nhân dân các nước, phát huy đến mức cao nhất những điều kiện thuận lợi của thời đại.

Trong khi Miền Bắc ra sức xây dựng, đồng thời chiến đấu quyết liệt chống chiến tranh phá hoại của địch và chi viện cho tất cả cho tiền tuyến Miền Nam, thì ở Miền Nam Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân phát triển sáng tạo kinh nghiệm của kháng chiến chống Pháp, ra sức xây dựng cơ sở chính trị, xây dựng căn cứ ở khắp nơi, từ miền rừng núi đến vùng nông thôn đồng bằng và đô thị, xây dựng các vùng giải phóng lớn nhỏ, từ Miền Trung đến Tây Nguyên và Cực Nam Trung Bộ. Nhờ đó đã phát huy tiềm lực tại chỗ, tạo thành thế cài răng lược, chia cắt uy hiếp địch, nổi dậy và tiến công địch liên tục, rộng khắp, đưa chiến tranh nhân dân ở Miền Nam phát triển cao độ.

Thành công to lớn của việc xây dựng căn cứ địa, xây dựng hậu phương trong cách mạng Tháng Tám và hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ là thắng lợi của tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh về tạo chỗ đứng chân, bồi dưỡng tiềm lực cho khởi nghĩa và chiến tranh nhân dân.

3. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân:

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đặt ra nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân ngay sau khi nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà ra đời, khi ta đã có chủ quyền lãnh thổ cần phải bảo vệ. Trong thời gian còn tạm thời hoà hoãn với địch và cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp chưa nổ ra, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã khẩn trương triển khai nhiều việc để củng cố nền quốc phòng toàn dân, chuẩn bị sẵn sàng để bước vào cuộc kháng chiến lâu dài. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ đất nước ta tạm thời bị chia làm hai miền, việc xây dựng nền quốc phòng toàn dân đã được đẩy mạnh ở Miền Bắc, nhằm xây dựng quân đội, xây dựng lực lượng hậu bị, dân quân tự vệ, xây dựng công nghiệp quốc phòng, kết hợp với kinh tế quốc phòng, làm cho tiềm lực quốc phòng tăng lên gấp nhiều lần. Nhờ vậy, khi đế quốc Mỹ dùng không quân, hải quân đánh ra Miền Bắc, thì nhân dân ta đã có cơ sở vững chắc để giữ vững sản xuất, ổn định sinh hoạt xã hội, đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại của chúng và chi viện sức người, sức của cho Miền Nam càng mạnh mẽ hơn, phát huy sức mạnh cả nước đánh thắng giặc Mỹ xâm lược